

Bản án số: 51/2025/LĐ-ST

Ngày: 22-8-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng lao động vô hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu Yến và bà Nguyễn Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 73/2025/TLST-LĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-LĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn B, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V, tỉnh Cà Mau); địa chỉ liên lạc: Số A, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH J; địa chỉ: Đường số C, KCN V, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V, tỉnh Cà Mau); địa chỉ liên lạc: Số A, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

3.2. Bảo hiểm xã hội cơ sở L; địa chỉ: Đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn B trình bày:

Ông Phạm Văn B có nhu cầu rút bảo hiểm nên ông có đến liên hệ Bảo hiểm xã hội T để rút bảo hiểm theo đúng quy định. Sau đó, ông được Bảo hiểm xã hội T thông báo thời điểm từ 05/2009 đến tháng 04/2014 ông có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH J. Vào thời gian trên ông có cho ông Phạm Văn N mượn giấy chứng minh nhân dân của ông để ký hợp đồng với Công ty TNHH J với tên của ông và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của ông từ 05/2009 đến tháng 04/2014 đến tháng 04/2014. Thực tế trong thời gian trên ông cũng mượn hồ sơ của người khác và làm việc tại Công ty TNHH J và có tham gia BHXH đầy đủ.

Nay, ông B yêu cầu giải quyết như sau: Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Phạm Văn B (do Phạm Văn N là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH J trong khoảng thời gian từ tháng 05/2009 đến tháng 04/2014 là vô hiệu.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là biên bản làm việc ngày 08/4/2025; biên bản làm việc ngày 30/7/2020; sổ bảo hiểm xã hội.

- Theo bản tự khai bị đơn Công ty TNHH J trình bày:

Vào khoảng thời gian từ tháng 05 năm 2009 đến tháng 04 năm 2014 ông Phạm Văn B có ký hợp đồng lao động (thời gian lâu rồi Công ty không nhớ hợp đồng lao động có xác định thời hạn hay không xác định thời hạn) và làm việc tại Công ty TNHH J. Thời gian ông B làm việc tại Công ty thì Công ty có đóng bảo xã hội cho ông Phạm Văn B đầy đủ. Khi ông Phạm Văn B đến Công ty làm việc, ông Phạm Văn B có cung cấp cho Công ty hồ sơ xin việc gồm sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe; giấy chứng minh nhân dân; đơn xin việc làm. Hồ sơ thể hiện tên người xin việc là Phạm Văn B do đó toàn bộ hồ sơ tại Công ty liên quan người lao động làm việc cho Công ty TNHH J đều thể hiện tên Phạm Văn B nên hàng tháng Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên Phạm Văn B mà không phải là ông Phạm Văn N. Việc ông Phạm Văn N có hành vi lừa dối mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động với Công ty là hành vi trái pháp luật và Công ty không thể biết việc làm trái pháp luật của người khác. Mãi đến khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án và đơn khởi kiện cho Công ty TNHH J thì Công ty mới biết.

Nay ông B yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Phạm Văn B (do Phạm Văn N là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH J trong khoảng thời gian từ tháng 05/2009 đến tháng 04/2014 bị vô hiệu thì Công ty TNHH J không có ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N trình bày:

Vào thời điểm năm 2009, do ông chưa đủ tuổi lao động nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động, do không hiểu biết về mặt pháp luật nên ông đã mượn hồ sơ và thông tin cá nhân của ông Phạm Văn B để làm hồ sơ lao động. Ông đã mượn thông tin cá nhân của ông Phạm Văn B và đã làm việc tại Công ty TNHH J từ tháng 05/2009 đến tháng 04/2014, sau đó ông nghỉ việc tại Công ty TNHH J. Khoảng thời gian từ tháng 05/2009 đến tháng 04/2014 ông Phạm Văn B cũng đang làm việc tại Công ty này. Vì vậy, ông Phạm Văn B đã bị đóng trùng bảo hiểm từ tháng 05/2009 đến tháng 04/2014.

Nay ông B yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Phạm Văn B (do Phạm Văn N là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH J trong khoảng thời gian từ tháng 05/2009 đến tháng 04/2014 bị vô hiệu thì ông đồng ý và ông không có yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu trình bày:*

Công ty TNHH J có đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN) cho ông Phạm Văn B, sinh năm 1990, số căn cước công dân 095090010637; mã số Bảo hiểm xã hội 9106228061. Thời gian tham gia từ tháng 12/2006 đến tháng 04/2014, đã được bảo lưu thời gian gia bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2006 đến tháng 04/2014 ngày 06/6/2014, đã hưởng BHXH một lần theo Quyết định số 041507162, chưa hưởng BHTN. Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Phạm Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH J và ông Phạm Văn B (do Phạm Văn N là người ký kết) từ tháng 05/2009 đến tháng 04/2014 bị vô hiệu theo quy định của pháp luật. Xét, đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng lao động vô hiệu” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH J; trụ sở: Đường số C, KCN V, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện giữa Công ty TNHH J và ông B (thực tế ông N ký hợp đồng lao động) có giao kết hợp đồng lao động. Ông N làm việc tại Công ty đến tháng 04/2014 là nghỉ việc. Thời gian ông N làm việc tại Công ty, Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Khi ông N đến Công ty làm việc, ông N cung cấp cho Công ty hồ sơ xin việc thể hiện tên người xin việc là ông Phạm Văn B do đó toàn bộ hồ sơ tại Công ty liên quan đến người lao động làm việc cho Công ty đều thể hiện tên Phạm Văn B, vì vậy hàng tháng Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên Phạm Văn B mà không phải là Phạm Văn N. Xét, sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Phạm Văn N dùng nhân thân của ông Phạm Văn B để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH J1 là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) xét thấy, yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Phạm Văn B và người sử dụng lao động Công ty TNHH J1 từ tháng 05/2009 đến tháng 04/2014 là có cơ sở chấp nhận.

Đối với quyền lợi của ông Phạm Văn N do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn ông Phạm Văn B tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự năm 2015);

Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;

Các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B về việc tranh chấp hợp đồng lao động vô hiệu với bị đơn Công ty TNHH J.

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa ông Phạm Văn B, sinh năm 1990, số căn cước công dân 095090010637 và Công ty TNHH J từ tháng 05/2009 đến tháng 04/2014 bị vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Bảo hiểm xã hội thành phố T (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu) thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với ông Phạm Văn B theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Ông Phạm Văn B tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003027 ngày 11/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH J không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

5. Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Thị Bạch Tuyết